

Số: **1582/QĐ-UBND**

*Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2015*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phân công, phân cấp nhiệm vụ quản lý vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư liên tịch 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của liên Bộ: Y tế - Nông nghiệp và PTNT - Công thương về hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và PTNT gồm: số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp & PTNT; số 24/2014/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2014 quy định điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với chợ đầu mối đầu giá nông sản; số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 quy định điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ; Quyết định số 1290/QĐ-BNN-TCCB ngày 17/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định phân công, phân cấp trong hoạt động kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Quyết định số 20/2008/QĐ-UBND ngày 29/9/2008 của UBND thành phố Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội; Quyết định số 103/2009/QĐ-UBND ngày 24/9/2009 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành qui định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế tiền lương, tiền công, cán bộ công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị thuộc thành phố Hà Nội; Quyết định số 11/2012/QĐ-UBND ngày 22/5/2012 của UBND Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh một số điều của Quyết định số 103/2009/QĐ-UBND ngày 24/9/2009 của UBND Thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội tại Tờ trình số 90/TT - SNN ngày 27/5/2015 về việc ban hành quyết định phân công nhiệm vụ quản lý vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân công, phân cấp trong hoạt động kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội như sau:

1. Cấp thành phố: Cơ sở có đăng ký kinh doanh do thành phố cấp và cơ sở do Bộ Nông nghiệp & PTNT phân cấp đóng trên địa bàn thành phố, do các Chi cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT quản lý. Cơ quan đầu mối tham mưu, tổng hợp là Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội;

2. Cấp quận, huyện, thị xã: Cơ sở sản xuất vật tư nông nghiệp có đăng ký kinh doanh cấp huyện, quận, thị xã cấp, do Phòng Kinh tế quận, huyện, thị xã quản lý. Cơ quan đầu mối tham mưu, tổng hợp là Phòng Kinh tế quận, huyện thị xã;

3. Cấp xã, phường, thị trấn: Cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp có đăng ký kinh doanh do cấp quận, huyện, thị xã cấp đóng trên địa bàn xã, phường, thị trấn do UBND xã, phường, thị trấn quản lý. *(Chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo).*

**Điều 2.** Phân công trong hoạt động kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm (ATTP); quản lý sản xuất ban đầu nhỏ lẻ thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội như sau:

1. Cấp thành phố: Cơ sở có đăng ký kinh doanh do thành phố cấp (trừ cơ sở có sản phẩm xuất khẩu trong trường hợp có yêu cầu của nước nhập khẩu về cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm) và cơ sở do Bộ Nông nghiệp & PTNT phân cấp: do các Chi cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT quản lý. Cơ quan đầu mối tham mưu, tổng hợp là Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội;

2. Cấp quận, huyện, thị xã: Cơ sở sản xuất có đăng ký kinh doanh do UBND quận, huyện, thị xã cấp: do Phòng Kinh tế quận, huyện thị xã quản lý và là đầu mối tham mưu, tổng hợp;

3. Cấp xã, phường, thị trấn: Cơ sở kinh doanh có đăng ký kinh doanh do cấp quận, huyện, thị xã cấp và cơ sở không có đăng ký kinh doanh đóng trên địa bàn xã, phường, thị trấn; cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ do UBND xã, phường, thị trấn quản lý. *(Chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo).*

**Điều 3.** Nguyên tắc phân công và phối hợp trong triển khai hoạt động kiểm tra chất lượng vật tư nông nghiệp và ATTP nông lâm thủy sản:

1. Một cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ chịu sự kiểm tra bởi một cơ quan. Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thì phân công một cơ quan (cơ quan

### 3. Các sở, ngành liên quan:

Các sở, ngành: Y tế, Công thương, Nội vụ, Thông tin & Truyền thông, Công an thành phố, các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các quận, huyện, thị xã, UBND các xã, phường, thị trấn triển khai đồng bộ các giải pháp công tác quản lý nhà nước về chất lượng vật tư nông nghiệp và ATTP nông lâm thủy sản, quản lý sản xuất ban đầu nhỏ lẻ trên địa bàn thành phố.

### 4. UBND quận, huyện, thị xã:

- Bố trí cân đối đủ kinh phí, cán bộ cho cơ quan được phân công nhiệm vụ kiểm tra, cơ quan quản lý sản xuất ban đầu nhỏ lẻ thuộc cấp mình quản lý theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT và phân cấp của UBND thành phố.

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện của cơ quan được giao kiểm tra thuộc quận, huyện, thị xã và UBND xã, phường, thị trấn.

- Tổng hợp báo cáo kết quả định kỳ và đột xuất theo quy định.

### 5. Cơ quan được phân công kiểm tra:

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá xếp loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh được phân công theo quy định của Bộ Nông nghiệp & PTNT.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, cán bộ được giao nhiệm vụ kiểm tra theo lĩnh vực được phân công quản lý.

- Thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh đủ điều kiện và chưa đủ điều kiện đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm thuộc phạm vi được phân công quản lý trên địa bàn.

- Lưu trữ có hệ thống các hồ sơ liên quan đến hoạt động thống kê, kiểm tra, đánh giá xếp loại của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi được phân công quản lý theo quy định.

- Tổng hợp báo cáo kết quả định kỳ và đột xuất theo quy định.

### 6. Cơ quan quản lý cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ (UBND xã, phường, thị trấn):

- Phổ biến, hướng dẫn về thực hành sản xuất thực phẩm an toàn và tổ chức cho các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ thuộc địa bàn quản lý ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện nội dung đã cam kết của các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ trình UBND các cấp phê duyệt và cấp kinh phí thực hiện.

- Kiểm tra việc thực hiện nội dung đã cam kết của các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ theo kế hoạch được phê duyệt.

- Thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương danh sách các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ không chấp hành nội dung cam kết sản xuất thực phẩm an toàn thuộc phạm vi được phân công quản lý.

- Lưu trữ có hệ thống các hồ sơ liên quan đến hoạt động kiểm tra việc thực hiện nội dung đã cam kết của các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ thuộc phạm vi được phân công quản lý theo quy định.

- Tổng hợp báo cáo kết quả định kỳ và đột xuất theo quy định.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các văn bản trước đây trái với Quyết định này.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT; Giám đốc các Sở, Ngành liên quan; Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- TT Thành ủy, TT HĐND TP;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Đ/c Chủ tịch UBND Thành phố;  
(để báo cáo)
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND TP;
- Các Sở, Ngành: NNPTNT, KHĐT, TC, NV,  
YT, CT, TTTT, CATP;
- Đài PTTH HN, Báo HN mới, KTĐT;
- CVP/PCVP NN Sơn;
- TH, NNNT, CT, VX, KT;
- Lưu: VT, NNNT (Ngân)

15255(30)

**TM. UBND THÀNH PHỐ  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Xuân Việt**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập Tự do Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC I:  
PHÂN CÔNG TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG  
VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI.**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND thành phố Hà Nội)

Nhóm sản phẩm/ sản phẩm.	Phân công	
	Thành phố	Quận, huyện, thị xã; Xã, phường, thị trấn
<b>1. Giống cây trồng nông nghiệp:</b> (Trong danh mục hiện hành giống cây trồng nông nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam);	Chi cục Bảo vệ thực vật.	- Cơ sở sản xuất: Phòng Kinh tế quận, huyện, thị xã. - Cơ sở kinh doanh: UBND xã, phường, thị trấn.
<b>2. Giống cây trồng lâm nghiệp:</b> Trong danh mục hiện hành giống cây trồng lâm nghiệp được phép sản xuất kinh doanh tại Việt Nam.	Chi cục Bảo vệ thực vật.	- Cơ sở sản xuất: Phòng Kinh tế quận, huyện, thị xã. - Cơ sở kinh doanh: UBND xã, phường, thị trấn.
<b>3. Phân bón:</b> Trong danh mục hiện hành phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam.	Chi cục Bảo vệ thực vật.	- Cơ sở sản xuất: Phòng Kinh tế quận, huyện, thị xã. - Cơ sở kinh doanh: UBND xã, phường, thị trấn.
<b>4. Giống vật nuôi:</b> Trong danh mục hiện hành giống vật nuôi, thủy sản được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.		- Cơ sở sản xuất: Phòng Kinh tế quận, huyện, thị xã.
4.1. Giống vật nuôi trên cạn:	Chi cục Thú y.	- Cơ sở kinh doanh: UBND xã, phường, thị trấn.
4.2. Giống thủy sản:	Chi cục Thủy sản.	
<b>5. Nguyên liệu thức ăn Chăn nuôi</b> (Động vật trên cạn, dưới nước):		- Cơ sở sản xuất: Phòng Kinh tế quận, huyện, thị xã.
5.1. Nguyên liệu có nguồn gốc thực vật:	Chi cục Thú y	
5.2. Nguyên liệu có nguồn gốc động vật dưới nước:	Chi cục Thủy sản.	
5.3. Nguyên liệu có nguồn gốc động vật trên cạn:	Chi cục Thú y.	

<p>5.4. Thức ăn thành phẩm dùng trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản: Gồm các loại: Thức ăn đậm đặc, thức ăn hoàn chỉnh, thức ăn bổ sung...</p> <p>- Lĩnh vực thủy sản: - Lĩnh vực chăn nuôi:</p>	<p>Chi cục Thủy sản. Chi cục Thú y.</p>	<p>- Cơ sở kinh doanh: UBND xã, phường, thị trấn.</p>
<p><b>6. Sản phẩm xử lý cải tạo môi trường trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản:</b> Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam.</p>	<p>- Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi: Chi cục Thú y. - Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản: Chi cục Thủy sản.</p>	<p>- Cơ sở sản xuất: Phòng Kinh tế quận, huyện, thị xã. - Cơ sở kinh doanh: UBND xã, phường, thị trấn.</p>
<p><b>7. Thuốc bảo vệ thực vật, nguyên liệu làm thuốc bảo vệ thực vật:</b> Trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng và cấm sử dụng tại Việt Nam.</p>	<p>Chi cục Bảo vệ thực vật.</p>	<p>- Cơ sở sản xuất: Phòng Kinh tế quận, huyện, thị xã. - Cơ sở kinh doanh: UBND xã, phường, thị trấn.</p>
<p><b>8. Thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dùng trong thú y (bao gồm cả thủy sản):</b> Trong danh mục nguyên liệu làm thuốc thú y, thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dùng trong thú y (bao gồm cả thủy sản), được phép sản xuất, lưu hành tại Việt Nam.</p>	<p>- Thuốc thú y: Chi cục Thú y. - Thuốc thú y thủy sản: Chi cục Thủy sản.</p>	<p>- Cơ sở sản xuất: Phòng Kinh tế quận, huyện, thị xã. - Cơ sở kinh doanh: UBND xã, phường, thị trấn.</p>
<p><b>9. Phụ gia, hoá chất dùng trong chế biến, bảo quản:</b> Phụ gia, hoá chất được sử dụng trong chế biến, bảo quản nguyên liệu sản phẩm: trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và muối ăn các loại.</p>	<p>Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản.</p>	<p>- Cơ sở sản xuất: Phòng Kinh tế quận, huyện, thị xã. - Cơ sở kinh doanh: UBND xã, phường, thị trấn.</p>
<p><b>10. Nước sinh hoạt Nông thôn</b></p>	<p>Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn</p>	<p>- Cơ sở sản xuất: Phòng Kinh tế quận, huyện, thị xã. - Cơ sở kinh doanh: UBND xã, phường, thị trấn.</p>
<p><b>11. Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm</b></p>	<p>Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản.</p>	<p>- Cơ sở sản xuất: Phòng Kinh tế quận, huyện, thị xã. - Cơ sở kinh doanh: UBND xã, phường, thị trấn.</p>

**PHỤ LỤC II:  
PHÂN CÔNG TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, CHỨNG NHẬN CƠ SỞ SẢN XUẤT,  
KINH DOANH NÔNG LÂM THỦY SẢN ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM;  
QUẢN LÝ SẢN XUẤT BAN ĐẦU NHỎ LẺ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND Thành phố Hà Nội)*

**1. Chuỗi thực phẩm nông sản có nguồn gốc thực vật**

TT	Công đoạn	Phân công		
		Thành phố	Quận, huyện, thị xã	Xã, phường, thị trấn
1	Trồng trọt (kể cả hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở trồng trọt)	Chi cục Bảo vệ thực vật.	Phòng Kinh tế quận, huyện, thị xã.	Quản lý sản xuất nhỏ lẻ ban đầu.
2	Sơ chế, chế biến độc lập	Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản.	Phòng Kinh tế quận, huyện, thị xã.	
3	Lưu thông, tiêu thụ (Chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập).	- Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản. - Tổ chức chương trình giám sát, cảnh báo nguy cơ và truy xuất: Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản.		UBND xã, phường thị trấn.

## 2. Chuỗi thực phẩm nông sản có nguồn gốc động vật (trừ sản phẩm thủy sản)

TT	Công đoạn	Phân công		
		Thành phố	Quận, huyện, thị xã	Xã, phường, thị trấn
1	Chăn nuôi	Chi cục Thú y.	Phòng Kinh tế quận, huyện, thị xã.	Quản lý sản xuất nhỏ lẻ ban đầu.
2	Giết mổ, sơ chế	Chi cục Thú y.	Phòng Kinh tế quận, huyện, thị xã.	
3	Chế biến (giò, chả, thịt hộp, hàng khô, hun khói, ướp muối ...)	Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản.	Phòng Kinh tế quận, huyện, thị xã.	
4	Lưu thông, tiêu thụ (Chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập).	- Cơ sở kinh doanh: Chi cục Thú y. - Tổ chức chương trình giám sát, cảnh báo nguy cơ và truy xuất: Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản.		UBND xã, phường thị trấn.

## 3. Chuỗi thực phẩm thủy sản

TT	Công đoạn	Phân công		
		Thành phố	Quận, huyện, thị xã	Xã, phường, thị trấn
1	Nuôi trồng	Chi cục Thủy sản.	Phòng Kinh tế quận, huyện, thị xã.	Quản lý sản xuất nhỏ lẻ ban đầu.
2	Sơ chế, chế biến	Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản.	Phòng Kinh tế quận, huyện, thị xã.	



3	Lưu thông, tiêu thụ (Chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở kinh doanh: Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản.</li> <li>- Tổ chức chương trình giám sát, cảnh báo nguy cơ và truy xuất: Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản.</li> </ul>		UBND xã, phường thị trấn.
---	---	--	--	---------------------------

#### 4. Muối ăn

Công đoạn	Phân công	
	Thành phố	Quận, huyện, thị xã; Xã, phường, thị trấn
Sản xuất, sơ chế, chế biến, bao gói, tiêu thụ trong nước,	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản.</li> <li>- Tổ chức chương trình giám sát, cảnh báo nguy cơ và truy xuất: Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở sản xuất: Phòng Kinh tế quận, huyện, thị xã.</li> <li>- Cơ sở kinh doanh: UBND xã, phường thị trấn.</li> </ul>

**5. Sản phẩm hỗn hợp, phối chế (thực vật, động vật, thủy sản), cơ sở sản xuất sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công thương theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-BYT-BNNPTNT-BCT.**

Công đoạn	Phân công	
	Thành phố	Quận, huyện, thị xã; Xã, phường, thị trấn
Sơ chế, chế biến, kho lạnh bảo quản nông lâm thủy sản, cơ sở sản xuất vật liệu bao gói gắn liền với cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản, lưu thông, tiêu thụ, xuất nhập khẩu; nước đá dùng cho bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản.	Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản.	- Cơ sở sản xuất: Phòng Kinh tế quận, huyện, thị xã. - Cơ sở kinh doanh: UBND xã, phường thị trấn.

